

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23- 9- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp và bà Trần Thị Ngãi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn An Trung Đ, xã Triệu Đ, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn An Trung Đ, xã Triệu Đ, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T - Vắng mặt lần thứ hai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Lô 2B, 15 khu đô thị mới, Mỹ Đình 1, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang Tr, phó phòng kế hoạch – kinh doanh Agribank Chi nhánh huyện Triệu Phong; địa chỉ Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 357/QĐ-NHNoTP-TH ngày 23 tháng 9 năm 2020 của giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Triệu Phong) - có mặt.

+ Ông Lê C, sinh năm 1932 - Vắng mặt lần thứ hai.

+ Ông Lê Quốc V, sinh năm 1998 - Vắng mặt lần thứ hai.

+ Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 - Vắng mặt lần thứ hai.

+ Cháu Lê Việt Đ, sinh năm 2005 – Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Cháu Lê Việt Đ: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1975 - Có mặt.

Các đương sự đều có nơi cư trú tại: Thôn An Trung Đ, xã Triệu Đ, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Đinh Thị D trình bày: Bà Đinh Thị D và Ông Lê Quốc Đ tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Đ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 14 tháng 7 năm 1998. Sau ngày cưới vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ bên chồng tại thôn An Gia (nay là thôn An Trung Đ) xã Triệu Đ, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo đến gia đình và không có trách nhiệm với con cái. Tháng 8/2019, bà D đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Lê Quốc Đ nhưng vì nhiều lý do nên bà D đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện, ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình số 25/2019/QĐST-HNGĐ giữa bà D và ông Đ. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không thay đổi cách sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài mà không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có, hai bên không thật sự thương yêu tôn trọng lẫn nhau. Với những lý do trên bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không Đ được mục đích. Vì vậy, bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với Ông Lê Quốc Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là các cháu: Lê Quốc V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1998; Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1999; Lê Việt Đ, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005. Hiện cháu V và cháu Tr đã trên 18 tuổi, sống tự lập, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Đ, bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động.

Ngày 20/8/2020, bà D có bản trình bày ý kiến không yêu cầu Ông Lê Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con chung vì trong quá trình chung sống ông Đ không có trách nhiệm với vợ, con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung như sau: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất 1.170 m² (tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 10) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 7074, do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 29/6/2018. Địa chỉ nhà và đất tại: Thôn An Trung Đ, xã Triệu Đ, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T. Trong đó trị giá ngôi nhà là 100.000.000 đồng; trị giá đất ở là 50.000.000 đồng. Tổng trị giá nhà và đất là 150.000.000 đồng.

+ Bàn, ghế 38 bộ x 50.000 đồng/bộ = 1.900.000 đồng.

+ Rạp vòm 6 bộ x 10.000.000 đồng/bộ = 60.000.000 đồng.

- + Rạp tôn 01 bộ trị giá: 5.000.000 đồng.
- + Chén, đĩa 30 mâm x 300.000 đồng/mâm = 9.000.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản là: 225.900.000 đồng.

Nguyên vọng của bà D là chia đôi số tài sản nói trên, phần tài sản chung của mỗi người được hưởng là: 112.950.000 đồng. Bà D có nguyên vọng được sở hữu và sử dụng toàn bộ rạp, bàn ghế, chén đĩa phục vụ cho cưới, hỏi với trị giá là 75.900.000 đồng. Phần tài sản còn lại giao nhà và đất trị giá 150.000.000 đồng cho Ông Lê Quốc Đ sở hữu và sử dụng. Ông Lê Quốc Đ phải giao số tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà D là 37.050.000 đồng.

Về khoản nợ chung: Vợ chồng bà D, ông D còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Triệu Phong số tiền: 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng theo hợp đồng 3910-LAV-201900106 ngày 11/01/2019 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày vay 11/01/2019 (đã trả 65.721.232 đồng, trong đó 50 triệu đồng tiền gốc và 15.721.232 đồng tiền lãi). Số nợ còn lại là 100 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nêu trên.

Về khoản nợ này mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Phần nợ mỗi người phải trả là 50.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 100.000.000 đồng; và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nêu trên).

Ngày 25/6/2020, Bà Đinh Thị D có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, bị đơn Ông Lê Quốc Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê C, Ông Lê Quốc V, Bà Lê Thị Ngọc Tr và Cháu Lê Việt Đ không có bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/6/2020, ngày 10/8/2020 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Triệu Phong, Quảng Trị trình bày: Ngày 11/01/2019, phòng giao dịch Nam Cửa Việt - Chi nhánh huyện Triệu Phong ký hợp đồng tín dụng số 3910LAV201900106 với hộ Bà Đinh Thị D, số tiền 150.000.000 đồng; dư nợ tại Ngân hàng đến ngày 24/6/2020 là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 4.746.575 đồng. Để đảm bảo khoản vay, hộ Bà Đinh Thị D đã thế chấp quyền sử dụng đất số L 827897 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 27/7/1998 cho hộ Ông Lê C. Hiện nay bà D đã rút đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Ngân hàng không yêu cầu hộ bà D phải trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/7/2020, cháu Lê Việt Đ trình bày: Cháu hiện đang học lớp 9 tại Trường Tiểu học và trung học cơ sở Triệu Độ thuộc xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, cháu Đ có nguyên vọng được sống cùng mẹ là bà D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án như sau:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì chưa

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho Bà Đinh Thị D được ly hôn với Ông Lê Quốc Đ; áp dụng Điều 81, 82, 83 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Quốc V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1998 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị đình chỉ giải quyết phần tài sản chung và nợ chung; bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê C, Ông Lê Quốc V, Bà Lê Thị Ngọc Tr và Cháu Lê Việt Đ nhưng ông C, ông V, bà Trâm và cháu Đ không có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Riêng trường hợp bị đơn Lê Quốc Đ, thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới có mặt tại địa phương nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được Thông báo thụ lý vụ án, ngày 12/6/2020 Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã trực tiếp đến nhà ông Đ để làm việc và tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông Đ, ông C, ông V, bà Trâm và cháu Đ nhưng những người này vẫn không có mặt nên Tòa án đã gửi thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho họ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 21/8/2020, Tòa án tiến hành ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không tổng đạt trực tiếp được cho bị đơn Lê Quốc Đ nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 08/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Ông Lê C, Ông Lê Quốc V và Bà Lê Thị Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 23/9/2020 xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Lê Quốc Đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê C, Ông Lê Quốc V, Bà Lê Thị Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Bà Đinh Thị D và Ông Lê Quốc Đ là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi cưới, vợ chồng bà D và ông Đ sống hạnh phúc, năm 2017, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo đến gia đình và không có trách nhiệm với con cái nên vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã lẫn nhau. Tháng 8/2019, bà D đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Lê Quốc Đ nhưng vì nhiều lý do nên bà D đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện, ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình số 25/2019/QĐST-HNGĐ giữa bà D và ông Đ. Theo kết quả xác minh tại chính quyền xã Triệu Độ về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông Đ thì: Ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông Đ đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng (từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay) ông Đ trở về địa phương sống cùng với bố mẹ đẻ của mình tại thôn An Trung Đông, xã Triệu Độ. Theo ý kiến trình bày của Ông Lê C là bố đẻ của ông D và ông Lê Xuân là anh trai của ông Đ đều thừa nhận: Ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng ông Đ xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, ông Đ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không ở chung cùng với bà D mà ở với ông C. Tại phiên tòa hôm nay, tuy ông Đ vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà D tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông Đ đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, hơn nữa thời gian vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng không ai có giải pháp gì để trở lại đoàn tụ vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1998; Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1999 và Cháu Lê Việt Đ, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005. Hiện cháu V và cháu Tr đã trên 18 tuổi, sống tự lập, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng Cháu Lê Việt Đ, bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Ông Lê Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu Đ đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đang đi học và có cuộc sống ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ và những người thân của ông Đ thì ông Đ thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về nhà. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Đ và phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà D vẫn không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đạt có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án, ngày 25/6/2020, nguyên đơn Bà Đinh Thị D đã làm đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Bà D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và nợ chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- **Về quan hệ Hôn nhân:** Xử cho Bà Đinh Thị D được ly hôn Ông Lê Quốc Đ.

- **Về con chung:** Giao Cháu Lê Việt Đ, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005 cho Bà Đinh Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút, về việc yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử buộc Bà Đinh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.728.000 đồng tại biên lai thu số 0004615 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. Hoàn trả cho Bà Đinh Thị D số tiền chênh lệch là 5.428.000 đồng.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Độ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Hương

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

